TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/ KDTM-ST
Ngày: 25 - 4- 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
Mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tân và ông Nguyễn Văn Thìn

-Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2023/TLST- KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH C2.

Địa chỉ trụ sở: Lô B, KCN T, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

- Người đại diện: Ông Hoàng Như C – Chức vụ: Giám đốc

Bị đơn: Công ty TNHH M.

Địa chỉ : Lô S, CCN làng nghề N, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện theo pháp luật : Ông MOON KYOUNG WOO – Chức vụ : giám đốc công ty TNHH M
- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kim Mun S – Chức vụ: Phó giám đốc công ty TNHH M
- Người phiên dịch: Ông Triệu Khánh D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố C, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng

Nơi tạm trú hiện nay: khu F T, phường T, thị xã P, tỉnh Phú THọ

(Ông C, ông Kim Mun S, ông D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ông Hoàng Như C1 *– là đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/07/2021, Công ty TNHH C2 và công ty TNHH M đã ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán hành hóa (hạt nhựa màu). Kể từ sau khi ký kết hợp đồng nguyên tắc, hai bên đã có giao dịch mua bán loại mặt hàng hạt nhựa màu, công ty TNHH M (sau đây gọi tắt là công ty M) thanh toán đầy đủ tiền hàng theo thỏa thuận. Kể từ ngày 01/10/2021, công ty TNHH C2 (sau đây gọi tắt là công ty C2) đã giao hàng cho công ty M lượng hạt nhựa màu các loại trên 10 phiếu xuất kho (BL 04-13). Ngày 28/10/2021 và ngày 30/11/2021 đã xuất giao 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền hàng hóa là 610.774.348đ. Sau khi xuất hóa đơn, công ty M không thanh toán tiền hàng. Đến ngày 18/4/2022, hai bên đã thống nhất công nợ và bên mua đã hẹn trả trong tháng 5/2022 (BL14). Từ đó đến nay công ty C2 đã nhiều lần đôn đốc việc trả nợ nhưng công ty M vẫn không thanh toán. Vì vậy, công ty C2 đề nghị công ty M phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi kể từ ngày 01/5/2022 theo lãi suất ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông C1 có quan điểm chỉ đề nghị HĐXX xem xét buộc công ty M phải có nghĩa vụ trả khoản nợ tiền hàng còn thiếu (nợ gốc) 610.774.348đ, không đề nghị phải trả tiền lãi chậm trả.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Kim Mun S *– người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Công ty M xác nhận công nợ mua bán hàng hóa giữa hai công ty với số tiền còn nợ là 610.774.348đ (sáu trăm mười triệu bảy trăm bảy mươi tư ngàn ba trăm bốn mươi tám đồng) như ông C1 đã trình bày. Hiện nay Công ty M đang trong giai đoạn khó khăn, công ty đã dừng hoạt động và không có nguồn thu. Quá trình giải quyết vụ án, ông Kim Mun S đề nghị công ty C2 tạo điều kiện để Công ty M tìm phương án giải quyết và cam kết sẽ trả nợ cho công ty C2 trong thời gian sớm nhất.

Tại phiên tòa, ông Kim Mun S có quan điểm không nhất trí trả nợ cho công ty C2 do hiện nay công ty không còn tiền, không có khả năng để trả nợ. Tài sản là máy móc thiết bị hiện đã thế chấp ngân hàng, công ty không còn hoạt động gì nên không có nguồn thu.

Đối với yêu cầu tính lãi: Tại hợp đồng nguyên tắc các bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả, vì vậy Công ty M không nhất trí trả lãi theo yêu cầu của ông C1.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ pháp luật: Đề nghị HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

+ Về áp dụng pháp luật và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các Điều 430, 431, 433, 434, 440; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C2 yêu cầu công ty TNHH M NOAH VINA phải thanh toán tiền mua hàng hóa.

Buộc công ty TNHH M phải có trách nhiệm trả số tiền hàng hóa đã mua là 610.774.348đ.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Công ty TNHH C2 khởi kiện yêu cầu công ty TNHH M trả tiền hàng hóa. Căn cứ Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa).

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: công ty TNHH M (bị đơn) có trụ sở tại xã Đ, huyện T. Căn cứ Điểm b Khoản 1 điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

[1.3] Về xác định người tham gia tố tụng: Do ông Kim Mun S – người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là người nước ngoài (Quốc tịch Hàn Quốc); quá trình giải quyết vụ án, ông C1 (nguyên đơn) và ông Kim Mun S đã thỏa thuận lựa chọn Ông Vũ Quốc T, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu T, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là người phiên dịch khi tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa, ông Kim Mun S đề nghị được thay đổi người phiên dịch là ông Triệu Khánh D, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố C, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng (do ông T bận công việc). Ông C1 có quan điểm nhất trí để ông D (là nhân viên phiên dịch của công ty M) thực hiện phiên dịch cho ông Kim Mun S tại phiên tòa.

Căn cứ Khoản 1 Điều 81 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định ông Vũ Quốc T, ông Triệu Khánh D là người phiên dịch là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C2 yêu cầu công ty TNHH M VINA trả số tiền đã mua hàng hóa là 610.774.348đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Hợp đồng nguyên tắc (hợp đồng mua bán hàng hóa) giữa Công ty TNHH C2 và công ty TNHH M VINA ngày 01/07/2021 về việc mua bán hàng hóa, các bên đã thỏa thuận về việc mua bán hàng hóa là hạt nhựa màu. Hình thức và nội dung giao dịch của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Thực tế, Công ty TNHH C2 đã giao hàng cho công ty TNHH M đúng chủng loại, số lượng như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Sau khi giao nhận hàng xong, công ty TNHH C2 đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Ngày 18/4/2022, thông qua giấy đề nghị thanh toán, hai bên đã chốt nợ số tiền hàng Công ty M chưa thanh toán là 610.774.348đ. Công ty M thừa nhận do tình hình sản xuất kinh doanh của công ty G nên đến nay công ty vẫn chưa trả được số tiền trên và xin được giãn

thời gian trả nợ. Căn cứ điều 4, điều 5 của hợp đồng đã ký kết giữa hai bên, công ty M đã vi phạm thỏa thuận về phương thức thanh toán và nghĩa vụ thanh toán tiền hàng. Tại phiên tòa, Công ty N1 đưa ra lý do không trả được nợ do tình hình công ty dừng sản xuất, tài sản của công ty là máy móc thiết bị đã thế chấp hết ngân hàng, công ty không còn nguồn tiền để trả nợ là không phù hợp với quy định của pháp luật. Cần buộc công ty M phải có trách nhiệm trả khoản nợ tiền hàng hóa chưa thanh toán 610.774.348đ.

[2.2]. Đối với yêu cầu công ty TNHH M trả số tiền lãi theo lãi suất ngân hàng kể từ thời điểm vi phạm hợp đồng.

Tại hợp đồng nguyên tắc ngày 01/7/2021, giữa Công ty P và công ty M thỏa thuận về trách nhiệm của bên mua hàng thanh toán cho bên bán hàng chậm nhất vào ngày 25 tháng kế tiếp theo sau khi nhận đủ hàng hóa và hóa đơn, chứng từ. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông C1 đề nghị Công ty M phải trả lãi đối với số tiền chậm trả kể từ ngày 01/5/2022 đến nay theo lãi suất ngân hàng. Tại phiên tòa, ông C1 chỉ đề nghị HĐXX buộc công ty M phải trả nợ gốc tiền hàng không đề nghị xem xét về lãi suất. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, vì vậy HĐXX không xem xét, giải quyết về lãi suất đối với khoản tiền trên là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 28.430.973đ làm tròn = 28.430.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản Điều 81, Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, 431, 433, 434, 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật thương mại 2005

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C2 yêu cầu công ty TNHH M trả tiền mua bán hàng hóa.

Buộc công ty TNHH M phải có nghĩa vụ trả cho công ty TNHH C2 số tiền hàng còn nợ là 610.774.348đ (sáu trăm mười triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng chẵn) theo hợp đồng nguyên tắc ngày 01/07/2021 về việc mua bán hành hóa (hạt nhựa màu) và hóa đơn giá trị gia tăng số 0000610 ngày 28/10/2021, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000654 ngày 30/11/2021 (do công ty TNHH C2 phát hành)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định

tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Công ty TNHH M phải chịu 28.430.000đ (Hai mươi tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH C2 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. H lại cho Công ty TNHH C2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.269.000đ (Mười lăm triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003683 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
VKSND tỉnh, huyện;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ba;
- Lưu HS
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thanh Loan